

Mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam thời gian qua

Trần Hoàng Ngân*

ngannh@ueh.edu.vn

Vũ Thị Lệ Giang*

vtlgiang@yahoo.com

Hoàng Hải*

yenhh@ueh.edu.vn

*Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Ngày nhận: 30/05/2013
Ngày nhận lại: 12/08/2013
Ngày duyệt đăng: 30/09/2013
Mã số: 05-13-DE-15

Tóm tắt

Lịch sử lạm phát của VN 33 năm qua cho thấy phần lớn thời gian chúng ta lâm vào tình trạng lạm phát cao và mức lạm phát cao này ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người lao động, người có thu nhập thấp và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vì thế trong bài viết này, nhóm tác giả thực hiện một nghiên cứu xác định ngưỡng lạm phát tại VN nên ở mức nào sẽ hỗ trợ tốt cho tăng trưởng kinh tế. Để thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả tiến hành thu thập dữ liệu thống kê nhằm xác định mối tương quan giữa lạm phát (tính bằng chỉ số giá tiêu dùng CPI) và tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính bằng tốc độ tăng GDP) ở VN trong vòng 26 năm (1987-2012). Mối quan hệ này cũng được tác giả so sánh giữa hai giai đoạn 1987-2000 và 2001-2012. Kết quả nghiên cứu cho thấy ngưỡng lạm phát CPI ở VN nên ở mức 5-7%/năm.

Từ khóa: Lạm phát; tốc độ tăng trưởng kinh tế; ngưỡng lạm phát.

Abstract

History of inflation in Vietnam in the past three decades shows that Vietnam frequently faced high inflation rates that produced bad effects on the poor and economic growth. This paper aims at identifying which inflation threshold is most helpful for economic growth in Vietnam. Authors gather and analyze statistics to detect a relationship between inflation (based on CPI) and growth rate in Vietnam in the years 1987-2012. Authors also compare this relationship in the two periods, 1987-2000 and 2001-2012. Results show that the ideal inflation threshold for Vietnam is between 5% and 7%.

Keywords: Inflation, growth rate, inflation threshold.

1. Giới thiệu

Lạm phát ở VN từ năm 1980 có thể chia thành những giai đoạn:

Năm 1980 – 1985: Lạm phát hai con số

Năm 1986 – 1988: Siêu lạm phát

Năm 1989 – 1995: Lạm phát hai con số ở mức cao (lạm phát bình quân là 46,7%/năm)

Năm 1996 – 2006: Lạm phát một con số

Năm 2007 – 2012: Lạm phát cao và thiếu ổn định do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và các gói kích thích kinh tế.

Trong từng giai đoạn trên, VN đã thực hiện các chính sách kiểm soát lạm phát hiệu quả để đưa tỉ lệ lạm phát về mức một con số. Tuy nhiên, số liệu thống kê 33 năm qua cho thấy những năm VN rơi vào tình trạng lạm phát cao chiếm tỉ lệ chủ yếu và các chính sách kiểm soát lạm phát chỉ mang tính chất đối phó với những diễn biến của thị trường mà chưa có một chiến lược dài hạn trong việc kiểm soát lạm phát. Mức lạm phát cao đã có những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế và đời sống của người dân. Vì thế, kiềm chế lạm phát để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vẫn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Theo các nghiên cứu của những trường phái khác nhau, lạm phát có tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tùy từng mức lạm phát khác nhau mà có những ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến tăng trưởng. Tuy nhiên các nghiên cứu này không chỉ ra ngưỡng lạm phát cụ thể là bao nhiêu sẽ tác động tốt đến tăng trưởng vì điều này còn tùy thuộc vào nền kinh tế của mỗi quốc gia.

Với mong muốn tìm hiểu tại VN ngưỡng lạm phát bao nhiêu sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế để các nhà quản lý có thể đặt ra những mục tiêu kiểm soát lạm phát trong dài hạn, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu những lí thuyết tác động của lạm phát đến tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở lí thuyết, phân tích tương quan giữa tỉ lệ lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế tại VN để tìm ra ngưỡng lạm phát hợp lí mà các nhà quản lý nên hướng đến.

2. Mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế

2.1. Lạm phát

Lạm phát là sự tăng lên theo thời gian của mức giá chung của nền kinh tế (Mankiw, 2010). Các phép đo phổ biến của chỉ số lạm phát bao gồm: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), GDP có điều chỉnh, chỉ số chi tiêu cá nhân (PCE), chỉ số giá bán buôn (WPI), chỉ số giá sản xuất (PPI) v.v.. Trong thực tế, chỉ số CPI được nhiều quốc gia (trong đó có VN) sử dụng để đo lường lạm phát.

2.2. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng sản phẩm quốc gia (GNP) hoặc quy mô tổng sản lượng quốc gia tính trên đầu người (PCI – Per Capita Income) trong một thời gian nhất định (Mankiw, 2010).

Như vậy, các chỉ số sử dụng đo lường tăng trưởng kinh tế bao gồm: Tốc độ tăng GDP, tốc độ tăng GNP và tốc độ tăng PCI. Hiện nay VN đang sử dụng tốc độ tăng GDP để đo lường tăng trưởng kinh tế.

2.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế

Có rất nhiều lí thuyết và quan điểm đề cập về mối liên hệ giữa lạm phát và tăng trưởng.

Theo lí thuyết của Keynes: Trong ngắn hạn sẽ có sự đánh đổi giữa lạm phát và tăng trưởng. Nghĩa là muốn cho tăng trưởng đạt tốc độ cao thì phải chấp nhận một tỉ lệ lạm phát nhất định. Trong giai đoạn này tốc độ tăng trưởng và lạm phát di chuyển cùng chiều. Sau đó nếu tiếp tục chấp nhận tăng lạm phát để thúc đẩy tăng trưởng thì GDP cũng không tăng thêm mà có xu hướng giảm đi.

Chủ nghĩa trọng tiền mà đại diện là Milton Friedman cho rằng lạm phát là sản phẩm của việc gia tăng cung tiền hoặc tăng hệ số tạo tiền ở mức độ lớn hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Theo Friedman nếu giá cả hàng hóa trong nền kinh tế tăng gấp 2 lần mà thu nhập của người lao động cũng tăng gấp 2 lần, họ sẽ không quan tâm đến việc tăng giá hàng hóa. Trong trường hợp như vậy tăng trưởng không bị suy giảm bởi lạm phát. Nếu lạm phát xảy ra theo hướng này thì không ảnh hưởng nguy hiểm đến tăng trưởng kinh tế. Nói tóm lại, theo quan điểm của thuyết trọng tiền, trong dài hạn giá cả bị ảnh hưởng bởi cung tiền chứ không thực sự tác động lên tăng trưởng. Nếu cung tiền tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế thì lạm phát tất yếu sẽ xảy ra. Nếu giữ cung tiền và hệ số tạo tiền ổn định thì tăng trưởng cao sẽ làm giảm lạm phát.

Theo lí thuyết tân cổ điển: Tobin (1965) phát triển mô hình Mundell (1963) cho rằng lạm phát là nguyên nhân làm cho con người tránh giữ tiền mà chuyển tiền thành các tài sản sinh lợi (Vikesh Gokal & Subrina Hanif, 2004). Điều này sẽ làm gia tăng sự tích lũy vốn trong nền kinh tế và thúc đẩy kinh tế phát triển. Tobin (1965) cũng có kết luận về mối quan hệ cùng chiều giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế.

Bổ sung thêm cho mô hình trên của lí thuyết tân cổ điển, nhà kinh tế học Sidrauski (1967) có cùng quan điểm với chủ nghĩa trọng tiền, Sidrauski (1967) đề cập đến một trạng thái “vô cùng dừng đọng” (superneutral) với lạm phát (Vikesh Gokal & Subrina Hanif, 2004). Kết quả nghiên cứu của ông là khi các biến số độc lập với việc tăng cung tiền trong dài hạn thì việc tăng lạm phát không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

Stockman (1981) cho rằng lạm phát tăng cao sẽ làm cho tăng trưởng giảm (Vikesh Gokal & Subrina Hanif, 2004).

Sau khi xem xét nhiều quan điểm lí thuyết của các trường phái khác nhau, tuy mỗi trường phái có một quan điểm riêng, mô hình riêng để chứng minh mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng nhưng quan điểm chung của các trường phái có thể nhận thấy là mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng không phải là mối quan hệ một chiều mà là sự tác động qua lại. Trong ngắn hạn khi lạm phát còn ở mức thấp, lạm phát và tăng trưởng thường có mối quan hệ cùng chiều. Nghĩa là nếu muốn tăng trưởng đạt tốc độ cao hơn thì phải chấp nhận tăng lạm phát. Tuy nhiên, mối quan hệ này không tồn tại mãi mãi mà đến một lúc nào đó nếu lạm phát tiếp tục tăng cao sẽ ảnh hưởng làm giảm tăng trưởng. Trong dài hạn, khi tăng trưởng đã đạt đến mức tối ưu thì lạm phát không tác động đến tăng trưởng nữa mà lúc này lạm phát là hậu quả của việc cung tiền quá mức vào nền kinh tế.

3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp định tính được sử dụng để thực hiện nghiên cứu này. Với số liệu thu thập được từ báo cáo thường niên của Tổng cục Thống kê, nhóm tác giả sử

dụng phần mềm SPSS để xác định mối tương quan giữa hai biến lạm phát (CPI) và tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng GDP). Phần mềm SPSS tiếp tục được sử dụng trong quá trình xác định ngưỡng lạm phát ở VN. Tuy nhiên, để có được kết luận ngưỡng lạm phát ở VN nên là bao nhiêu nhóm sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia để có thêm thông tin cho những lập luận của mình.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Số liệu về chỉ số CPI và tốc độ tăng GDP được thu thập từ các báo cáo thường niên của Tổng cục Thống kê. Để có thêm nguồn thông tin, từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2010 nhóm tác giả thực hiện một khảo sát. Đối tượng trong cuộc khảo sát này là các chuyên gia kinh tế đang làm công việc giảng dạy ở các trường đại học, công tác tại các viện nghiên cứu và các nhà quản lý ngân hàng, tổng công ty trên địa bàn TP.HCM. 100 phiếu điều tra bằng bảng câu hỏi được gửi tới 50 giảng viên đại học, 30 nhà kinh tế hiện đang làm việc ở các viện nghiên cứu, 20 phiếu cho các nhà quản lý ngân hàng và các loại hình doanh nghiệp khác. Kết quả thu về được 32 phiếu từ các giảng viên đại học, 15 phiếu từ nhà kinh tế hiện làm việc tại các viện nghiên cứu và 5 phiếu từ các nhà quản lý doanh nghiệp.

4. Lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở VN

Số liệu về chỉ số lạm phát đo bằng CPI tháng 12 năm sau so với tháng 12 năm trước và tốc độ tăng trưởng GDP được tổng hợp lại ở Bảng 1.

Bảng 1. Lạm phát CPI và tốc độ tăng GDP ở VN từ 1987 đến 2012

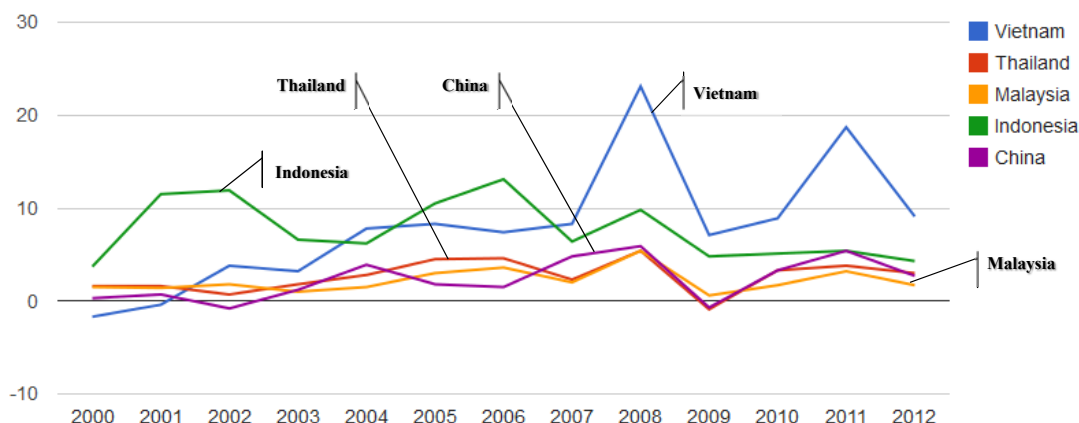
Đơn vị tính: %

Năm	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999
Tốc độ tăng GDP	3,6	6,01	4,68	5,09	5,81	8,7	8,08	8,83	9,54	9,34	8,15	5,76	4,77
CPI	223	349	36	67,1	67,5	17,5	5,2	14,4	12,7	4,5	3,6	9,2	0,1
Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Tốc độ tăng GDP	6,8	6,9	7,08	7,34	7,79	8,44	8,23	8,46	6,31	5,32	6,78	5,89	5,03
CPI	0,6	0,8	4	3	9,5	8,4	6,6	12,6	19,89	6,52	11,75	18,13	6,81

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ các báo cáo thường niên của Tổng cục Thống kê.

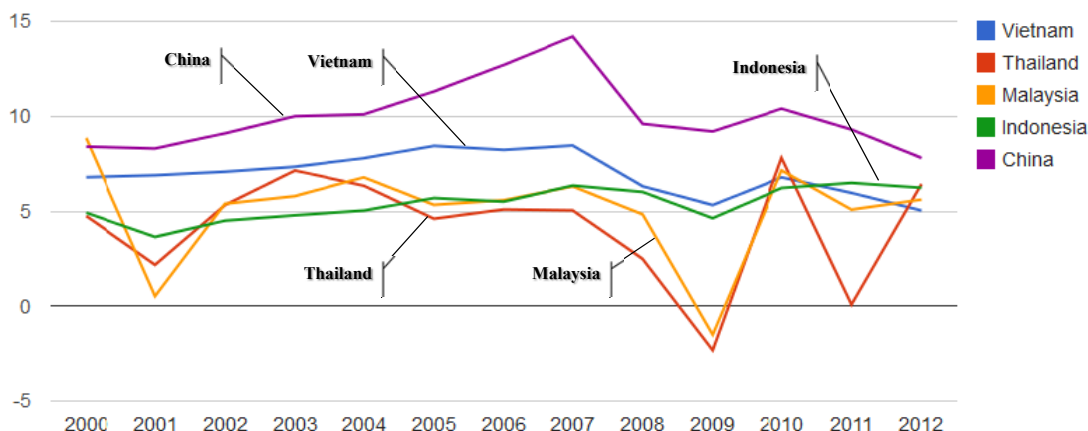
Kể từ khi VN công bố tỉ lệ lạm phát (năm 1987) đến cuối năm 2012, bình quân lạm phát ở VN ở mức rất cao (35,32%/năm) và tốc độ tăng trưởng kinh tế là 6,87%/năm.

So sánh với các quốc gia khác trong khu vực từ năm 2010 đến cuối năm 2012, khi tỉ lệ lạm phát của các quốc gia khác cùng giao động trong khoảng từ 5-6% thì tỉ lệ lạm phát của VN cao hơn hẳn, vượt lên ngưỡng 2 con số. Ngược với tỉ lệ lạm phát, tốc độ tăng trưởng GDP đang chậm lại và VN đã mất vị trí quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP đứng hàng thứ 2 trên thế giới.



Hình 1. Tỷ lệ lạm phát CPI tại một số quốc gia (%)

Nguồn: <http://www.theglobaleconomy.com>



Hình 2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP của một số quốc gia

Nguồn: <http://www.theglobaleconomy.com>

Bảng 2. Mối quan hệ giữa tỉ lệ lạm phát CPI và tốc độ tăng trưởng kinh tế ở VN giai đoạn 1987-2012

Thống kê mô tả				Tương quan			
	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Số quan sát			CPI	GDP
CPI	35,3154	77,87569	26	CPI	Hệ số tương quan	1	-0,382
					Ý nghĩa thống kê		0,054
±GDP	6,8742	1,60891	26		Số quan sát	26	26

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Hệ số tương quan (correlation – r) giữa chỉ số lạm phát CPI và GDP là âm ($r = -0,382$; $p = 0,054$ và $n = 26$). Điều đó có nghĩa là 94,6% số liệu trên Bảng 2 cho thấy lạm phát tăng 1% sẽ đẩy tăng trưởng kinh tế tăng chậm lại 0,382% và ngược lại. Tuy nhiên trong 26 năm này, có hai năm VN rơi vào tình trạng siêu lạm phát với chỉ số CPI lên đến trên 200%/năm (1987), thậm chí

349%/năm (1988). Mức này được coi là cú sốc lạm phát. Nếu loại trừ sốc lạm phát, trong giai đoạn 1989 – 2012, CPI ở mức trung bình 14,425%/năm và tốc độ tăng GDP là 7,047%/năm.

Bảng 3. Tương quan CPI và tốc độ tăng GDP ở VN khi loại trừ các cú sốc lạm phát

	Thông kê mô tả			Tương quan			
	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Số quan sát			CPIA	GDPA
CPI	14,4250	18,07981	24	CPIA	Hệ số tương quan	1	-0,358
±GDP	7,0467	1,51132	24		Ý nghĩa thống kê		0,086
					Số quan sát	24	24

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Khi không tính đến cú sốc lạm phát, lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế ở VN cũng có mối quan hệ ngược chiều ở mức trung bình^[1] ($r = -0,358$; $p = 0,086$; $n = 24$). Điều đó có nghĩa 91,4% số liệu cho thấy mối quan hệ giữa lạm phát và tốc độ tăng trưởng ở VN giai đoạn 1990 – 2012 là ngược chiều ở mức trung bình. Ngoài ra khi bình phương hệ số tương quan ta có giá trị bình phương bằng 0,1169 ($0,358 * 0,358 = 0,1169$). Con số này cho biết có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của tốc độ tăng trưởng trong đó lạm phát đóng góp gần 12%.

Như vậy xét trong một giai đoạn dài cho dù có xảy ra cú sốc lạm phát hay không thì lạm phát vẫn tác động tiêu cực ở mức trung bình tới tăng trưởng kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ đẩy tốc độ tăng GDP chậm lại. Kết quả này giống kết quả nghiên cứu giai đoạn sau khủng hoảng dầu hỏa 1973 – 74 của Fischer (1993), Bruno & Easterly (1995) và Barro (1998) khi tìm thấy quan hệ âm giữa lạm phát và tăng trưởng.

Trong các giai đoạn ngắn hơn, hệ số tương quan giữa CPI và tốc độ tăng GDP như sau:

Bảng 4. CPI và tốc độ tăng GDP ở VN giai đoạn 1989-2000 và 2001-2012

	CPI8900	GDP8900		CPI0112	GDP0112
Hệ số tương quan	1	-0,460	Hệ số tương quan	1	-0,124
Ý nghĩa thống kê		0,132	Ý nghĩa thống kê		0,702
Số quan sát	12	12	Số quan sát	12	12

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Trong giai đoạn 1989 – 2000, mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng gần như tương đồng với mối quan hệ này trong 24 năm (1989 – 2012). Lạm phát tác động ngược chiều ở mức vừa phải tới tăng trưởng kinh tế ($r = -0,46$; $n = 12$; $p = 0,132$).

Trong giai đoạn 2001 – 2012, lạm phát tác động tiêu cực yếu tới tăng trưởng khi hệ số tương quan r chỉ bằng -0,124. Tuy nhiên chỉ có 29,8% số liệu trong giai đoạn này cho kết luận trên. Mẫu số liệu rất nhỏ ($n = 12$), mức độ tin cậy thấp ($p = 0,702$). Vì vậy, không có đủ cơ sở để kết luận về mối quan hệ nghịch biến ở mức yếu giữa CPI và tốc độ tăng trưởng GDP trong giai đoạn này.

Lạm phát chỉ tác động tiêu cực lên tăng trưởng khi đạt ngưỡng nhất định nào đó. Ở mức dưới ngưỡng, lạm phát tác động dương lên tăng trưởng như lý thuyết Kyenes đề cập. Nghiên cứu 140 nước, giai đoạn 1960 – 98, ngưỡng lạm phát từ 11-12%/năm (Khan & Senhadji, 2001). Nghiên

cứu số liệu 90 nước đang phát triển, giai đoạn 1961 – 2004, ngưỡng lạm phát là 14%/năm (Li, 2006). Nghiên cứu của Christoffersen & Doyle (1998) tìm ra ngưỡng là 13% cho các nền kinh tế chuyển đổi.

Bảng 5. Mối quan hệ giữa CPI và tốc độ tăng GDP

Lạm phát CPI	Hệ số tương quan (r)	Ý nghĩa thống kê (p value)	Số quan sát (n)	Lạm phát CPI	Hệ số tương quan (r)	Ý nghĩa thống kê (p value)	Số quan sát (n)
<4%	0,729	0,01	6	≥4%	-0,47	0,049	18
<5%	0,809	0,028	7	≥5%	-0,442	0,076	17
<6%	0,796	0,018	8	≥6%	-0,422	0,103	16
<7%	0,134	0,695	11	≥7%	-0,596	0,032	13
<9%	0,252	0,429	12	≥9%	-0,572	0,052	12
CPI<10%	0,143	0,629	14	≥10%	-0,654	0,04	10
CPI<12%	0,094	0,738	15	≥12%	-0,69	0,04	9
CPI<14%	0,333	0,187	17	≥14%	-0,611	0,145	7

Nguồn: Tổng hợp tính toán của nhóm nghiên cứu

Quan sát bảng số liệu trên, ngưỡng lạm phát ở VN là 5 – 7%. Khi lạm phát nhỏ hơn 5%, lạm phát ảnh hưởng tích cực mạnh đến tăng trưởng ($r=0,809$; $p=0,028$; $n=7$) và khi đó lạm phát giải thích được 65,44% sự thay đổi của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Có 14 năm lạm phát cao hơn 7%/năm. Khi lạm phát trên 7%/năm, lạm phát có mối quan hệ ngược chiều ở mức cao tới tăng trưởng ($r=-0,596$; $p=0,032$; $n=14$). Ngưỡng lạm phát của VN nếu chọn là 5 – 7% cũng phù hợp với khảo sát của nhóm nghiên cứu^[2] khi có đến 65,4% người được hỏi cho rằng lạm phát 6,6% năm 2006 là mức bình thường. Cũng như vậy năm 2009 với mức lạm phát 6,52%/năm thì có đến 59,6% cho rằng đây là mức lạm phát trung bình.

4. Kết luận và gợi ý chính sách

Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra những nhận định sau:

- Tổng kết lí thuyết cho thấy lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ qua lại với nhau. Tuy nhiên đó là mối quan hệ tỉ lệ nghịch hay thuận còn tùy thuộc vào mức lạm phát xem xét.

- Ở VN, xét ở thời kì dài 24 – 26 năm lạm phát ảnh hưởng tiêu cực yếu đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, ảnh hưởng của lạm phát tới tăng trưởng là tích cực hay tiêu cực còn phụ thuộc vào mức lạm phát sử dụng để xác định mối tương quan này. Nếu khảo sát trong khoảng thời gian từ năm 1989 – 2012, lạm phát đóng góp 14,6% vào sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế. Còn trong khoảng thời gian 20 năm từ 1990 – 2009, lạm phát chỉ đóng góp 12,8% vào sự thay đổi của tốc độ tăng trưởng kinh tế đo bằng tốc độ tăng GDP. Như vậy, nếu chỉ sử dụng hệ số tương quan giữa CPI và tốc độ tăng GDP ở trên để đưa ra các con số dự báo về tỉ lệ lạm phát khi muốn đạt tốc độ tăng trưởng ở mức nhất định hoặc ngược lại đưa ra con số dự báo về tốc độ tăng trưởng

kinh tế nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát ở một mức nhất định là không chính xác. Bởi lạm phát chỉ là một yếu tố, dù quan trọng, trong vô vàn các yếu tố khác tác động tới tăng trưởng kinh tế.

- Mức (hay khoảng) lạm phát được coi là ngưỡng lạm phát khi lạm phát lớn hơn mức (khoảng) này thì tăng trưởng kinh tế có quan hệ tỉ lệ nghịch và ngược lại.

Ngưỡng lạm phát ở VN là 5% – 7%. Ở mức này, thì lạm phát ảnh hưởng tích cực mạnh đến tăng trưởng kinh tế. Ở khoảng này, lạm phát có thể giải thích được xấp xỉ 65% sự thay đổi của GDP.

Gợi ý chính sách

Khi chọn mức lạm phát 5% – 7% làm ngưỡng, nếu lạm phát VN ở dưới mức này để tăng tốc độ tăng trưởng, Chính phủ có thể thực hiện các giải pháp để tăng lạm phát và việc tăng lạm phát cho đến ngưỡng 7%/năm không quá nguy hại đến nền kinh tế. Còn nếu lạm phát đang ở trên ngưỡng 7%, để tăng trưởng kinh tế, Chính phủ cần phải có chính sách can thiệp để điều tiết giảm lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát chỉ là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế nên nếu chỉ tập trung vào điều chỉnh lạm phát để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế như mong đợi là không đủ, cho dù ở mức ngưỡng lạm phát CPI từ 5%-7%/năm lạm phát giải thích được rất nhiều (65%) sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế.

Để có thể giảm lạm phát và duy trì lạm phát ở một ngưỡng nhất định, nhiều quốc gia đã áp dụng cơ chế lạm phát mục tiêu và đã thành công khi áp dụng cơ chế này. Lạm phát mục tiêu được hiểu là Ngân hàng trung ương cam kết một mục tiêu định lượng cụ thể về bình ổn giá. Một số nước cam kết cụ thể một con số, những nước này có thể kể đến như New Zealand, Canada, Úc, Anh (lạm phát mục tiêu theo điểm). Trong khi một số nước khác như Thụy Sĩ và các nước sử dụng đồng Euro chọn cách cam kết theo khoảng (lạm phát mục tiêu theo khoảng). Trong điều kiện lạm phát tại VN luôn ở mức cao qua nhiều năm và các giải pháp chỉ mang tính tình thế, bên cạnh việc áp dụng các giải pháp hiện tại, Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ nên nghiên cứu về chính sách lạm phát mục tiêu như một giải pháp dài hạn cho việc kiểm soát tình hình lạm phát tại VN. Tuy nhiên, xét về các điều kiện cần và đủ để thực hiện chính sách kiểm soát lạm phát theo lạm phát mục tiêu thì điều kiện ở VN hiện thời chưa chín muồi để thực hiện ngay chính sách này (Hoàng Hải Yến & Vũ thị Lệ Giang, 2011). Như vậy, trong ngắn hạn để tạo bước đệm cho tiến trình thực hiện kiểm soát lạm phát theo cơ chế lạm phát mục tiêu, chúng ta nên từng bước thực hiện các điều kiện sau:

- Nâng cao vị thế độc lập của NHNN trong điều hành chính sách tiền tệ. Công khai minh bạch, cập nhật thường xuyên với công chúng về những dự báo chính xác, có cơ sở của NHNN, của Chính phủ về lạm phát, những công cụ sẽ được áp dụng và kết quả của việc áp dụng như thế nào. Có như vậy mới tạo lập được niềm tin với công chúng và niềm tin là một yếu tố quan trọng giúp kiểm soát lạm phát.

- Chính phủ cần tập trung triển khai và giám sát việc thực hiện Luật Giá đã được Quốc hội thông qua ngày 20/06/2012 và có giá trị hiệu lực vào ngày 01/12/2013. Cần quy định chi tiết những vấn đề cấp thiết: bình ổn giá, định giá, các yếu tố hình thành giá, thẩm định giá,... đặc biệt là nâng cao hơn nữa vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

- Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính một cách nhanh chóng và hiệu quả trên cơ sở đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng và phát triển lành mạnh thị trường tài chính VN.

- Điều hành tỉ giá theo hướng linh hoạt và ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, qua đó góp phần cải thiện cán cân thương mại và thặng dư cán cân thanh toán tổng thể.

- Trong dài hạn, nếu Chính phủ xem xét hết các tác động và thay đổi tích cực từ cơ chế kiểm soát lạm phát theo lạm phát mục tiêu và chỉ đạo các cơ quan ban ngành thực hiện các điều kiện cần thiết tạo bước đệm cho việc thực hiện cơ chế này hiệu quả. Bước tiếp theo là xác định mức lạm phát mục tiêu nên là bao nhiêu thì ngưỡng lạm phát 5%-7% cũng nên là một mức tham khảo■

Ghi chú

[1] I rI từ 0,1 đến 0,29 là quan hệ yếu

I rI từ 0,3 đến 0,49 là quan hệ trung bình

I rI từ 0,5 đến 1 là quan hệ mạnh

(Julie Pallance, 2005)

[2] Điều tra của nhóm nghiên cứu

Tài liệu tham khảo

Bruno, M. và Easterly, W. (1998), “Inflation Crises and Long-Run Growth”, *Journal of Monetary Economics* 41, February, 3-26.

Fischer, Stanley, *Inflation and Growth*, NBER Working Paper No. 1235 (Cambridge, Massachusetts: National Bureau of Economic Research), 1983.

Frederic S. Mishkin, *Strategies for Controlling Inflation*, working paper, 1997.

Girijasankar Mallik và Anis Chowdhury, “Inflation and Economic Growth: Evidence from Four South Asian Countries”, *Asia-Pacific Development Journal* Vol. 8, No. 1, June 2001.

Hoàng Hải Yến & Vũ thị Lệ Giang (2011) “Luận bàn về chính sách lạm phát mục tiêu”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 22, tháng 11/2011, trang 18-24.

<http://www.theglobaleconomy.com/compare-countries>, trích dẫn ngày 4/8/2013

Julie Pallant (2005), “SPSS Survival Manual”, Allen & UNWin

Khan & Senhadji (2001), *Threshold Effects in the Relationship Between Inflation and Growth*, IMF Staff Papers Vol. 48, No. 1.

Mankiw, G. (2010), *Macroeconomics*, Worth Publishers Milton Friedman, Wincott Memorial Lecture, London, September 16, 1970

Peter Doyle & Peter F. Christoffersen (1998), *From Inflation to Growth - Eight Years of Transition*, IMF Working Papers 98/100.

Robert J. Barro “Inflation and Economic Growth”, *National Bureau of Economic Research*, 1050 Massachusetts Avenue, Cambridge, MA 02138, October 1995.

Trần Hoàng Ngân & cộng sự (2010), *Lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế VN*, B2009-09-89, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Vikesh Gokal & Subrina Hanif (2004), *Relationship Between Inflation and Economic Growth*, IMF working paper.